

Bản án số: 12/2017/HS-ST
Ngày 23 - 11 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hồng

Ông Nguyễn Hữu Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 N 2017, tại nhà văn hóa thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2017/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Ly Văn T1, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1997 tại xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Ly Văn C, năm sinh 1964 và bà Xin Thị T, năm sinh 1965; chưa có vợ và chưa có con; tiền án: Chưa, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; ngày bị tạm giữ: Không, ngày bị bắt tạm giam: 23/5/2017, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị cáo Ly Văn T2, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1993 tại xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Ly Văn C, năm sinh 1964 và bà Xin Thị T, năm sinh 1965; chưa có vợ và chưa có con; tiền án: Chưa, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; ngày bị tạm giữ: Không, ngày bị bắt tạm giam: 23/5/2017, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. Bị cáo Lương Văn T, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1990 tại xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Xa Phó; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Lương Lu X, tên gọi khác Lương Lưu X (đã chết) và bà Lý Thị M (đã chết); chưa có vợ và chưa có con; tiền sự: Chưa, tiền án: có hai tiền án:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2010/HS-ST ngày 28/9/2010, bị Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 03/5/2011, thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 10/01/2017;

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 10/4/2015, bị Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Lương Văn C và chị Sầm Thị Đ số tiền là 4.405.000 đồng. Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 220.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 08/01/2016; bị cáo chưa thi hành: số tiền bồi thường dân sự, tiền án phí hình sự và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; ngày bị tạm giữ: Không, ngày bị bắt tạm giam: 23/5/2017, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

4. Bị cáo Lù Văn N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1997 tại xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Lù Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị L, năm sinh 1974; chưa có vợ và chưa có con; tiền án: Chưa, tiền sự: Chưa; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; ngày bị tạm giữ: Không, ngày bị bắt tạm giam: 23/5/2017, ngày được cho tại ngoại: Không; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

5. Bị cáo Nông Văn D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1997 tại xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: B, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nông Văn H, năm sinh 1976 và bà Nông Thị D, năm sinh 1977; chưa có vợ và chưa có con; tiền sự: Chưa, tiền án: Chưa; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; ngày bị tạm giữ: Không, ngày bị bắt tạm giam: 21/6/2017, ngày được cho tại ngoại: 24/7/2017; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là Bảo lĩnh - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước

tỉnh Lào Cai bảo chữa cho các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D - Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Ma Văn T, sinh ngày 11/02/1994

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Cháu Thèn Văn T, sinh ngày 18/11/2001

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Thèn Văn T: Anh Thèn Văn D, năm sinh 1970 - Là bố đẻ của cháu T

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Anh Trần Văn G, sinh ngày 24/12/1996

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

3. Anh Thèn Văn D, năm sinh 1970

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

4. Bà Xin Thị T, năm sinh 1965

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị L, năm sinh 1974

Nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

6. Bà Nông Thị D, năm sinh 1977

Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Vàng Văn T, sinh ngày 20/3/1988

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Chị Cheng Thị B, năm sinh 1982

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

3. Anh Dì Văn L, năm sinh 1983

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

4. Anh Lê Văn H, năm sinh 1976

Nơi cư trú (đăng ký thường trú): Đội 1, thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên

Nơi sinh sống (đăng ký tạm trú): Tổ 15, phường C, quận N, Thành phố Hà Nội
- Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Dì Văn T, năm sinh 1987

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại bản cáo trạng số 12/KSĐT ngày 30/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 18/5/2017, sau khi Lương Văn T, Nông Văn D, Thèn Văn T, Ly Văn T1, Ly Văn T2 và Lù Văn N ăn cơm tại lán công trình ở thôn P, xã S xong, Ly Văn T1, Lù Văn N, Thèn Văn T và Lương Văn T rủ nhau xuống xã N, huyện S chơi. Khi đi đến đoạn đường dốc cạnh quán của chị Cheng Thị B thuộc thôn Đ, xã N thì xe Thèn Văn T điều khiển bị cành cây mắc vào bánh xe, Thèn Văn T, Lương Văn

T và Ly Văn T1 dừng xe để gỡ cành cây, còn Lù Văn N điều khiển xe vượt đi trước. Lúc đó, anh Trần Văn G, anh Thèn Anh Đ, anh Vàng Văn T và anh Ma Văn T cùng trú tại thôn Đ, xã N đang ngồi uống bia trong quán chị B, khi Thèn Văn T, Lương Văn T và Ly Văn T1 gỡ cành cây xong chuẩn bị đi thì anh Trần Văn G và anh Thèn Anh Đ đi ra ngoài, anh G chặn xe lại và hỏi “Chúng mày ở đâu”, Lương Văn T trả lời là “Em ở Bảo Nhai”, anh G nói “Ở Bảo Nhai thì không liên quan, đứng sang bên này”, anh G hỏi Ly Văn T1 và Thèn Văn T thì Ly Văn T1 bảo “Ở Nậm Mòn - Bắc Hà”, anh G tiếp tục hỏi Ly Văn T1 là “Vào đây thì vào nhà ai”, Ly Văn T1 nói đi cùng Lù Văn N vào nhà bố dượng nó là ông Vàng Phủ D, anh G bảo Ly Văn T1 lấy điện thoại gọi Lù Văn N xuống, do T1 không có điện thoại nên anh G cho T1 mượn để gọi Lù Văn N, T1 gọi điện nói với Lù Văn N “Xuống đây có việc”, Lù Văn N hỏi “Có việc gì”, anh G giật điện thoại và nói “Mày cứ xuống đây”, rồi anh G tắt điện thoại. Anh G hỏi Thèn Văn T “Sao mày không nói chuyện với bọn anh, mày ghét bọn anh à” và anh G đấm hai phát vào mặt Thèn Văn T, Thèn Văn T nói “Có gì cho em xin lỗi”. Ly Văn T1 và anh Đ can không cho anh G đánh tiếp. Lúc này Lù Văn N từ nhà ông D xuống đến nơi, cùng đi với Lù Văn N còn có chị Lèng Thị N trú tại thôn Đ, xã N. Khi đến nơi, chị N hỏi anh G “Sao anh lại chặn đường bạn em”, anh G quay ra hỏi Thèn Văn T, Lương Văn T và T1 là “Tao có được chặn đường mày không”, Thèn Văn T, Lương Văn T và T1 trả lời là “Không”. Sau đó, anh G gọi anh Ma Văn T đang uống bia trong quán chị B ra ngoài và nói với anh Ma Văn T là “Thằng áo trắng kia bảo tao chặn đường nó” (Lúc đó Lù Văn N đang mặc áo trắng), anh Ma Văn T xông vào túm cổ Lù Văn N, còn anh G nhảy vào đấm hai phát vào mặt Lù Văn N. Anh Đ và mọi người can ngăn, anh Đ bảo “Có gì vào trong quán uống bia rồi nói chuyện”. Sau đó Thèn Văn T, Lương Văn T, T1 và Lù Văn N cùng anh G vào trong quán chị B uống bia. Vào trong quán anh G gọi điện bảo anh Sìn Văn T và anh Lùng Văn T cùng trú tại thôn Đ, xã N xuống nhà chị B với mục đích nếu xảy ra đánh nhau với Thèn Văn T, Lương Văn T, T1 và Lù Văn N thì có người giúp. Sau khi uống được một hợp bia thì Thèn Văn T, T1 và Lù Văn N cùng với chị N đi bộ lên nhà ông D, còn Lương Văn T tiếp tục ngồi uống bia với anh G, anh Vàng Văn T và anh Ma Văn T. Khi anh Sìn Văn T và anh Lùng Văn T xuống đến nơi, thì anh G và anh Sìn Văn T đi lên khu vực Ủy ban nhân dân xã N tìm Thèn Văn T, T1 và Lù Văn N nhưng không thấy, sau đó anh G, anh Sìn Văn T và anh Lùng Văn T đi về nhà anh Lùng Văn T tại thôn Đ, xã N uống rượu. Khi lên đến nhà ông D, Lù Văn N đưa chị N về, lúc này Thèn Văn T nói với T1 “Về rủ T2 và Nông Văn D xuống đánh trả thù đi”, T1 đồng ý. Sau khi Lù Văn N đưa chị N quay về, Thèn Văn T và T1 lấy chìa khóa xe từ Lù Văn N và bảo Lù Văn N “Mày cứ ở đây tí bọn tao xuống đón”. Khi về đến lán, Thèn Văn T và T1 kể lại chuyện vừa bị chặn đánh tại xã Nàn Sán cho Nông Văn D và T2 nghe và nói là “Lù Văn N đang bị đánh ở dưới kia”. T2 hỏi T1 “Chúng nó có bao nhiêu người, có to không”, T1 nói là “Khoảng 4 đến 5 người, to bằng anh thôi”, T1 hỏi “Mình có đi đánh không”, T2 trả lời là “Có”, T2 hỏi Nông Văn D là “Có đi không”, Nông Văn D bảo “Có”. Sau đó, T1 vào trong bếp lấy một con dao do T1 tự chế dài 69,5cm, Thèn Văn T và T2 mỗi người cầm một đoạn gậy sắt chữ V (Loại sắt V3) dài 45cm để đi xuống Nàn Sán đánh trả thù. Lúc chuẩn bị đi T1 hỏi Nông Văn D “Có dám đánh không”, Nông Văn D nói “Tao không đánh”, sau đó Nông Văn D điều khiển xe mô tô biển số

đăng ký 30P4 - 2942 đưa Thèn Văn T, T1 và T2 xuống Nàn Sán để đánh trả thù. Khi đi đến quán tạp hóa của chị B, T1 nói với T2 và Nông Văn D “Vừa nãy bị chặn đánh ở đây, thằng Lương Văn T đang ngồi uống bia ở trong kia”, Nông Văn D hỏi “Có dừng lại ở đây không”, T1 bảo “Cứ đi thẳng đi”. Thèn Văn T, T1, T2 và Nông Văn D đi lên nhà ông D gọi Lù Văn N ra ngoài, khi ra ngoài Lù Văn N thấy T2 và Thèn Văn T cầm gậy Lù Văn N hỏi “Gậy của tao đâu”, Thèn Văn T đưa gậy của Thèn Văn T cho Lù Văn N nhưng Lù Văn N không cầm và nói “Mày cứ cầm lấy”. Sau đó, T1, Thèn Văn T, T2 và Lù Văn N đi bộ xuống quán chị B, còn Nông Văn D đi xe, T1 bảo Nông Văn D “Mày cứ đi qua chỗ chúng nó uống bia đi”, Nông Văn D điều khiển xe đi đến cổng Trạm y tế xã N thì dừng lại. Trên đường từ nhà ông D xuống quán chị B T1 nói với Thèn Văn T, Lù Văn N và T2 là “Xuống dưới đó tao đánh thằng nào thì chúng mày đánh thằng đấy”. Khi T1, Thèn Văn T, Lù Văn N và T2 xuống đến quán chị B, thì anh Ma Văn T, anh Vàng Văn T và Lương Văn T vừa uống bia xong và chuẩn bị về. Anh Vàng Văn T ra đường trước đứng cạnh xe, anh Ma Văn T và Lương Văn T vẫn đang ở trong quán. T1 đứng ở ngoài đường gọi Lương Văn T đi về, khi Lương Văn T và anh Ma Văn T từ trong quán đi ra, Lương Văn T đi trước, anh Ma Văn T đi sau cách Lương Văn T khoảng 1 mét. Khi anh Ma Văn T vừa ra đến mép đường cách chỗ T1 đứng khoảng 1 mét, T1 dùng tay phải cầm dao do T1 chuẩn bị sẵn chém một phát từ phải qua trái - từ trên xuống dưới vào bả vai trái của anh Ma Văn T, sau đó T1 chém ngược lại từ trái qua phải - từ ngoài vào trong trúng cạnh bàn tay phải của anh Ma Văn T. Lúc đó Thèn Văn T đang đứng sau T1 tiến lên cách anh Ma Văn T khoảng 1 mét dùng đoạn gậy sắt hình chữ V, loại sắt V3 đập một phát từ trên xuống dưới vào trán của anh Ma Văn T khiến anh Ma Văn T ngã ngửa xuống đất, chân quay ra phía đường, còn đầu quay vào hướng quán chị B. Cùng lúc đó T2 tiến lên chỗ anh Ma Văn T dùng gậy sắt vụt hai phát vào vai phải và thái dương bên phải của anh Ma Văn T. Lù Văn N giật gậy của Thèn Văn T vụt hai phát vào chân của anh Ma Văn T, T1 tiếp tục dùng dao chém một phát từ trên xuống dưới vào đỉnh đầu của anh Ma Văn T, Lương Văn T thấy mọi người đánh anh Ma Văn T cũng xông vào dùng tay trái đâm hai phát vào ngực anh Ma Văn T. Thấy anh Ma Văn T bị ngã xuống đất, nhóm thanh niên vẫn đánh anh Ma Văn T thì anh Dì Văn L cầm dao từ trong nhà ra dọa, lúc đó T1, Thèn Văn T, T2, Lù Văn N và Lương Văn T mới bỏ chạy. Thèn Văn T và Lù Văn N chạy trước đến cổng Trạm y tế xã N thì lên xe của Nông Văn D để Nông Văn D chở về lán tại thôn P, sau đó Nông Văn D cho Lù Văn N mượn xe quay lại đón T2, T1 và Thèn Văn T về lán ngủ. Hậu quả anh Ma Văn T bị thương được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện S cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 61/2017/GĐTT-TTPY ngày 23/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai, kết luận về thương tích tại thời điểm giám định đối với anh Ma Văn T:

+ Có 03 sẹo vùng đầu và bàn tay phải kích thước lớn, mức tổn hại sức khỏe là 08% (tám phần trăm) tại khoản 3, phần I, chương 9 tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y Tâm thần;

+ Vỡ và lún xương sọ cạnh đường giữa bên phải, kích thước 16mm x 22mm, mức tổn hại sức khỏe là 10% (mười phần trăm) tại khoản 2.1, mục 2, phần I, chương 2

tổn thương cơ thể do tổn thương xương sọ và hệ thần kinh theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y Tâm thần.

Tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 17% (mười bảy phần trăm); Cơ chế chấn thương: Chấn thương trực tiếp; Vật gây thương tích: Vật cứng có cạnh sắc và vật cứng tù.

Đối với Lương Văn T, ngoài hành vi cùng đồng phạm phạm tội “Cố ý gây thương tích”, trong khi Lương Văn T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, thì khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/7/2017 khi cán bộ quản lý giam giữ vào kiểm tra buồng giam theo thường lệ, kiểm tra xong cán bộ đi ra ngoài sang kiểm tra buồng giam bên cạnh và một cán bộ khác chốt cửa lại nhưng Lương Văn T không nghe thấy khóa cửa, thấy vậy nên Lương Văn T đã nảy sinh ý định trốn khỏi nơi giam, Lương Văn T nằm chờ khi cán bộ kiểm tra hết các buồng giam khác, nhưng không quay lại khóa cửa buồng giam của Lương Văn T mà đi về. Khoảng 01 giờ sau, Lương Văn T dậy đi ra cửa buồng giam, Lương Văn T luồn tay trái qua lỗ cửa và sờ xuống chốt khóa cửa thấy cửa cài nhưng không khóa cửa, Lương Văn T dùng tay đẩy chốt cửa sang bên trái để mở cửa, khi mở được cửa Lương Văn T quay vào trong buồng giam gấp chiếc quần bò của Lương Văn T lại và buộc vào góc màn bằng dây buộc màn, dặt đôi dép tổ ong vào sau lưng, Lương Văn T cầm chiếc màn đi ra đầu nhà giam bên trái theo hướng nhà, Lương Văn T ném đầu màn buộc quần bò lên tường rào thép gai và dùng tay kéo thấy chắc, Lương Văn T đã đu người theo chiếc màn trốn ra khỏi nhà giam, sau đó Lương Văn T xin làm thuê - làm phụ xây ở công trình trường học tại thôn S, xã S, đến 20 giờ 30 phút ngày 28/7/2017 thì Lương Văn T bị bắt lại.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai Quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai để xét xử đối với các bị can: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị can Lương Văn T về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai đã truy tố.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Riêng bị cáo Lương Văn T ngoài hành vi phạm tội nêu trên còn phải chịu trách nhiệm về tội “Trốn khỏi nơi giam”.

+ Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Ly Văn T1 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 11 tháng tù;

+ Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1,

khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Ly Văn T2 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 năm đến 03 năm 10 tháng;

+ Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Văn T về tội “Cố ý gây thương tích”. Tuyên phạt bị cáo Lương Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 311, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Văn T về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tuyên phạt bị cáo Lương Văn T từ 06 tháng đến 01 năm tù;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù;

+ Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Lù Văn N từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 03 năm đến 03 năm 10 tháng;

+ Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Nông Văn D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 năm đến 03 năm.

+ Về dân sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lù Văn N và Nông Văn D đã tác động gia đình bồi thường cho anh Ma Văn T 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) là tiền viện phí, chi phí bồi dưỡng, tiền ăn, tiền đi lại trong quá trình điều trị và tiền công lao động mất đi trong thời gian nằm viện. Anh Ma Văn T đã nhận đủ số tiền trên và không còn yêu cầu gì về dân sự. Đồng thời, có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 41 của Bộ Luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 đoạn gậy bằng kim loại hình chữ V, loại sắt V3, có chiều dài 45cm, hai đầu bằng; 01 con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài cả phần lưỡi dao và cán dao là 69,5cm, cán dao hình tròn được cuốn bằng băng dính màu đen có chiều dài 17cm, phần lưỡi dao vát sắc nhọn có chiều dài 52,5cm, bản rộng nhất của lưỡi dao rộng 03cm là hung khí mà các bị cáo đã dùng để gây thương tích cho anh Ma Văn T; 01 chiếc quần nam dạng quần bò và 01 chiếc màn là công cụ để bị cáo Lương Văn T trốn khỏi nơi giam.

+ Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 buộc: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với tội “Cố ý gây thương tích”: Áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tuyên phạt bị cáo:

Ly Văn T1 mức án 01 năm tù giam, thời hạn tính từ ngày bị tạm giam;

Ly Văn T2 mức án 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 năm;

Lương Văn T mức án 02 năm tù giam, thời hạn tính từ ngày bị tạm giam;

Lù Văn N mức án 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 năm;

Nông Văn D mức án 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 năm.

+ Đối với tội “Trốn khỏi nơi giam”: Áp dụng khoản 1 Điều 311, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên phạt bị cáo Lương Văn T mức án 06 tháng tù giam.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lương Văn T là 02 năm 06 tháng.

- Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của các bị cáo: Đề nghị Toà án giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo; về bồi thường thiệt hại thì gia đình các bị cáo và gia đình Thèn Văn T đã bồi thường xong, nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Thèn Văn D, bà Xin Thị T, bà Hoàng Thị L và bà Nông Thị D đều có chung ý kiến: Do Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lù Văn N, Nông Văn D và Thèn Văn T không có tài sản, nên đã tích cực tác động, đề nghị bố, mẹ để khắc phục hậu quả xong các khoản chi phí hợp lý cho anh Ma Văn T bị thiệt hại về sức khỏe. Nay cháu Thèn Văn T, anh D, bà T, bà L và bà D không yêu cầu Toà án giải quyết lại về phần dân sự;

Đối với anh Trần Văn G có ý kiến: Anh G đã có hành vi chặn xe, đâm hai phát vào mặt cháu Thèn Văn T và đâm hai phát vào mặt bị cáo Lù Văn N, trong quá trình điều tra do vết thương nhẹ, nên cháu Thèn Văn T và bị cáo Lù Văn N đã từ chối giám định thương tích và không yêu cầu anh G phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe. Ngày 15/9/2017, anh G bị Công an xã N Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản bằng hình thức và mức phạt: Phạt cảnh cáo.

- Ý kiến của người làm chứng: Anh Vàng Văn T, chị Cheng Thị B và anh Dì Văn L đều có chung ý kiến: Đề nghị nhìn thấy anh Ma Văn T vừa trong quán nhà chị B và anh L đi ra ngoài đường thì bị một nhóm thanh niên lạ mặt đánh, thấy anh T bị ngã nhưng nhóm thanh niên vẫn tiếp tục dùng vật gì đó màu đen đánh anh Ma Văn T, nên

anh L cầm dao ra dọa thì nhóm thanh niên bỏ chạy, sau đó mọi người đưa anh Ma Văn T đến Bệnh viện đa khoa huyện S cấp cứu.

Đối với anh Lê Văn H có ý kiến: Đầu năm 2017, chị Nông Thị D có gửi số tiền 10.500.000 đồng nhờ anh H mua hộ chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe hai bánh, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, biển số đăng ký 30P4-2942 của một cửa hàng mua bán xe máy cũ tại Đường L, quận C, Thành phố Hà Nội để làm phương tiện đi lại trong gia đình.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết lại về phần dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản xác định và khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, biên bản và bản ảnh thực nghiệm điều tra, bản ảnh thu giữ vật chứng, ý kiến của người bào chữa, lời khai của người làm chứng, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N đã có hành vi gây thương tích cho anh Ma Văn T, còn bị cáo Nông Văn D biết các bị cáo khác chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội đã không can ngăn mà còn đồng tình và dùng xe máy của mình chở các bị cáo khác đi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi của mình nhất định hoặc có thể gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác, có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra, cụ thể là để mặc cho anh Ma Văn T bị thương, bị tổn thương cơ thể là 17%; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nhưng không mong muốn anh Ma Văn T chết. Ngoài ra, trong khi bị cáo Lương Văn T đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai, thì đêm ngày 27/7/2017 bị cáo Lương Văn T đã lợi dụng sự sơ hở của người canh gác, quản lý rồi lén lút trốn khỏi nơi giam, bị cáo Lương Văn T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai quyết định nhập vụ án hình sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai quyết định: truy tố các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” theo tình tiết định khung tại điểm a khoản 1 là “Dùng hung khí nguy hiểm”, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn tiếp tục thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 2 năm đến 5 năm là nhẹ hơn khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung

hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm; và khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm là nhẹ hơn khoản 1 Điều 311 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm, Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử sẽ: áp dụng điểm a khoản 1 - “Dùng hung khí nguy hiểm”, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14) để xét xử có lợi cho các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D về tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử có lợi cho bị cáo Lương Văn T về tội “Trốn khỏi nơi giam”.

Hành vi “Cố ý gây thương tích” của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo Lương Văn T còn có hành vi “Trốn khỏi nơi giam”, đã xâm phạm đến chế độ tạm giam trong giai đoạn điều tra, đồng thời xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Nên cần đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh và tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo không phân công vai trò cụ thể. Tuy nhiên, Thèn Văn T đã khởi xướng nói với bị cáo T1 là “Về rủ T2 và D xuống đánh trả thù đi” và Thèn Văn T là người thực hành, nên Thèn Văn T phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo T1 sau khi nghe Thèn Văn T nói “Về rủ T2 và D xuống đánh trả thù đi” thì T1 đồng ý, bị cáo T1 còn nói với Thèn Văn T, bị cáo N và bị cáo T2 là “Xuống dưới đó tao đánh thằng nào thì chúng mày đánh thằng đấy” và là người thực hành tích cực trực tiếp thực hiện tội phạm, nên chịu trách nhiệm với vai trò thứ hai trong vụ án, khi phạm tội bị cáo T1 là người đã thành niên, không can ngăn Thèn Văn T là người chưa thành niên phạm tội, nên sẽ áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo T1. Đối với bị cáo T2, bị cáo N và bị cáo Lương Văn T chỉ là người thực hành dùng gậy sắt vọt và dùng tay đâm vào người anh Ma Văn T, nên chịu trách nhiệm với vai trò thứ ba trong vụ án, nhưng khi phạm tội bị cáo T2 và bị cáo N đã dùng gậy sắt mỗi bị cáo vọt hai phát vào vai phải, thái dương bên phải và chân của anh Ma Văn T, còn bị cáo Lương Văn T thì dùng tay đâm hai phát vào ngực anh Ma Văn T, nên sẽ áp dụng mức án đối với bị cáo T2 và bị cáo N cao hơn bị cáo Lương Văn T. Còn bị cáo D tuy không trực tiếp đánh anh Ma Văn T, nhưng khi bị cáo T2 hỏi bị cáo D là “Có đi không”, bị cáo D bảo “Có”, chứng tỏ bị cáo D đã đồng tình và dùng xe máy của mình chở các bị cáo khác đi thực hiện hành vi phạm tội - tạo điều kiện về tinh thần để cho các bị cáo khác thực hiện hành vi gây thương tích đối với người khác, vì thế bị cáo D là người giữ vai trò giúp sức, nên chịu trách nhiệm với vai trò thứ tư trong vụ án.

Qua xem xét đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Đối với Thèn Văn T là người khởi xướng và đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho người bị hại quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, khi phạm tội Thèn Văn T chưa đủ 16 tuổi - chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Si Ma Cai đề nghị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N,

huyện B, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với Thèn Văn T, thời hạn áp dụng là 06 tháng kể từ ngày 08/8/2017 đến ngày 08/02/2018 là đúng quy định của pháp luật. Nên Viện kiểm sát không truy tố Thèn Văn T để xét xử là có căn cứ.

+ Đối với bị cáo T1 và bị cáo Lương Văn T: Cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc, phù hợp với hành vi phạm tội mà hai bị cáo đã gây ra, cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục hai bị cáo trở thành công dân có ích, như vậy mới đảm bảo được trật tự xã hội và phục vụ tốt cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm này tại địa phương. Riêng bị cáo Lương Văn T đã có hai tiền án chưa được xóa án tích và tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HSST ngày 10/4/2015, bị Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xác định đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lần phạm tội này do cố ý, nên bị cáo Lương Văn T phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa thấy rằng: hai bị cáo đều “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - Xin lỗi công khai người bị hại tại phiên tòa”; riêng bị cáo T1 không có tài sản nên đã tích cực tác động, đề nghị mẹ đẻ của bị cáo cùng gia đình của các bị cáo khác khắc phục toàn bộ hậu quả thiệt hại cho người bị hại bằng một khoản tiền, nên bị cáo T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”; đồng thời “Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” cho hai bị cáo. Do đó, cần cho hai bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, riêng bị cáo T1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản thân hai bị cáo tuổi đời còn trẻ, bị cáo T1 chưa có tiền án, hai bị cáo chưa có tiền sự, bị cáo T1 nhân thân tốt và hai bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên giảm cho hai bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Do bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nên cần áp dụng Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với bị cáo T1. Còn đối với bị cáo Lương Văn T đã phạm hai tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Trốn khỏi nơi giam”, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với bị cáo Lương Văn T.

+ Đối với bị cáo T2, bị cáo N và bị cáo D: Quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa thấy rằng: ba bị cáo đều “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - Xin lỗi công khai người bị hại tại phiên tòa”; ba bị cáo đều không có tài sản nên đã tích cực tác động, đề nghị mẹ đẻ của các bị cáo cùng gia đình của các bị cáo khác khắc phục toàn bộ hậu quả thiệt hại cho người bị hại bằng một khoản tiền, nên ba bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”; đồng thời “Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” cho ba bị cáo. Do đó, cần cho ba bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Cả ba bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm

1999, nên cần áp dụng Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với ba bị cáo, giảm cho ba bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Xét thấy, ba bị cáo đều nhất thời phạm tội và đã phải trả giá bằng việc bị bắt tạm giam, thời gian bị tạm giam cũng đủ để cải tạo ba bị cáo, xác nhận của chính quyền địa phương cho thấy ba bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có quá trình nhân thân tốt - ngoài lần phạm tội này ba bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, bản thân ba bị cáo tuổi đời còn trẻ, chưa có tiền án, tiền sự và đều là người dân tộc thiểu số, dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên không cần phải cách ly ba bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao ba bị cáo cho Ủy ban nhân dân: xã N và xã M - nơi ba bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung. Cần áp dụng khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo T2, bị cáo N và bị cáo D được hưởng án treo và tuyên thời gian thử thách đối với ba bị cáo. Đồng thời, bị cáo T2 và bị cáo N được trả tự do ngay tại phiên tòa.

[2] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ngày 25/7/2017, người bị hại là anh Ma Văn T đã thỏa thuận và nhận được khoản tiền là 15.000.000 đồng do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (đại diện gia đình cháu Thèn Văn T và các bị cáo: T1, T2, N và D) là: anh D, bà T, bà L và bà D bồi thường khắc phục hậu quả các khoản chi phí hợp lý do anh Ma Văn T bị thiệt hại về sức khỏe (bút lục số 252); đến ngày 10/11/2017, bà D đã tự nguyện bồi thường thêm cho anh Ma Văn T số tiền là 2.000.000 đồng để anh Ma Văn T bồi dưỡng sức khỏe (bút lục số 444). Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường đó của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 585, khoản 2 Điều 586, Điều 587, khoản 1,2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự, nên cần được chấp nhận. Nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm; các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu giải quyết lại về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với cháu Thèn Văn T, anh D (bố đẻ của cháu Thèn Văn T) và bị cáo N không yêu cầu anh Trần Văn G phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe. Xét thấy, việc cháu Thèn Văn T, anh D và bị cáo N không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần dân sự là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đồng thời, xét thấy anh Trần Văn G, cháu Thèn Văn T, anh D, bà T, bà L và bà D không còn liên quan gì đến quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án dân sự đối với phần bồi thường thiệt hại và quyền kháng cáo đối với bản án, do vậy Hội đồng xét xử không đưa họ vào phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định và thu giữ được gồm: 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe hai bánh, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, biển số đăng ký 30P4-2942 và 01 đăng ký xe mô tô là tài sản của gia đình bà Nông Thị D - Do bị cáo D mượn đi làm ăn. Xét thấy, vật chứng đó không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản đó cho bà D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999

và điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đồng thời, xét thấy bà D không còn liên quan gì đến quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án dân sự về việc xử lý vật chứng và quyền kháng cáo đối với bản án, do vậy Hội đồng xét xử không đưa bà D vào phần quyết định của bản án sơ thẩm;

Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài cả phần lưỡi dao và phần cán dao là 69,5cm, cán dao có hình tròn quấn băng dính màu đen có chiều dài 17cm, phần lưỡi dao vát sắc nhọn dài 52,5cm, chiều rộng 3cm (chỗ rộng nhất); 01 (một) đoạn gậy bằng kim loại hình chữ V, loại sắt V3, có chiều dài 45cm, hai đầu bằng nhau, các bị cáo: Ly Văn T1 và Ly Văn T2 đã sử dụng để đánh anh Ma Văn T. 01 (một) chiếc màn Tuyn màu xanh đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc quần bò màu xanh - bạc đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Lương Văn T do Lương Văn T đã sử dụng để trốn khỏi nơi giam. Hiện tại những vật chứng này đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai bảo quản, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/10/2017. Xét thấy, những vật chứng này do các bị cáo đã sử dụng làm công cụ dùng vào việc phạm tội, cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) đoạn gậy bằng kim loại hình chữ V, loại sắt V3 do Thèn Văn T và bị cáo Lù Văn N đã sử dụng để đánh anh Ma Văn T. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N đã vút ở cạnh đường, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được, nên Viện kiểm sát không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Văn G đã có hành vi chặn xe, đâm hai phát vào mặt cháu Thèn Văn T và đâm hai phát vào mặt bị cáo N, trong quá trình điều tra do vết thương nhẹ, nên cháu Thèn Văn T và bị cáo N đã từ chối giám định thương tích, nên không có cơ sở để xử lý hình sự đối với anh G. Ngày 15/9/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai đề nghị và Công an xã N Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản bằng hình thức và mức phạt: Phạt cảnh cáo đối với anh G đã thực hiện hành vi, vi phạm hành chính: Có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích là đúng quy định của pháp luật, nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người có hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác trực tiếp quản lý người bị giam để người bị giam trốn nhưng chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng, nên chưa cấu thành tội phạm và Viện kiểm sát không đề cập xử lý là có căn cứ.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Si Ma Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Trợ giúp viên pháp lý, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1,2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14); điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đối với bị cáo Ly Văn T1;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14); điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đối với bị cáo Ly Văn T2;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14) đối với bị cáo Lương Văn T để xử về tội “Cố ý gây thương tích”;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 311, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lương Văn T để xử về tội “Trốn khỏi nơi giam”;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với bị cáo Lương Văn T;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14) đối với bị cáo Lù Văn N;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104, điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, khoản 1,2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 134 theo Luật số 12/2017/QH14) đối với bị cáo Nông Văn D;

Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a

khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D.

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội “Trốn khỏi nơi giam”.

2. Về mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Ly Văn T1 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 23/5/2017;

- Xử phạt bị cáo Ly Văn T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày 23/11/2017. Giao bị cáo T2 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lương Văn T: 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lương Văn T phải chấp hành chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 23/5/2017;

- Xử phạt bị cáo Lù Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày 23/11/2017. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nông Văn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày 23/11/2017. Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Việc xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại, có tổng chiều dài cả phần lưỡi dao và phần cán dao là 69,5cm, cán dao có hình tròn quấn băng dính màu đen có chiều dài 17cm, phần lưỡi dao vát sắc nhọn dài 52,5cm, chiều rộng 3cm; 01 (một) đoạn gậy bằng kim loại hình chữ V, loại sắt V3, có chiều dài 45cm, hai đầu bằng nhau; 01 (một) chiếc màn Tuyên màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc quần bò màu xanh - bạc đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Các bị cáo: Ly Văn T1, Ly Văn T2, Lương Văn T, Lù Văn N và Nông Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (5);
- Người bị hại;
- Đương sự (6);
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQĐT Công an huyện Si Ma Cai (5);
- CQTHAHS Công an huyện Si Ma Cai (5);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Si Ma Cai (4);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- UBND xã N, huyện B (2);
- UBND xã M, huyện B;
- Lưu: HS, THS, THAHS (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tổng Duy Toán